ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /GPMT-UBND	*Hòa Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-BQP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ binh 36/Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1 (Giai đoạn 1); Quyết định số 436/QĐ-BQP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ binh 36/Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1 (Giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 456/TTr-STNMT ngày 20 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1; địa chỉ tại thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ binh 36/Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1 (Giai đoạn 1)" được xây dựng tại Trung đoàn bộ binh 36, tại thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: "Đầu tư xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ binh 36/Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1 (Giai đoạn 1)".

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Quyết định số 710/QĐ-TM ngày 06 tháng 11 năm 1998 của Tổng tham mưu trưởng về vị trí đóng quân của Trung đoàn bộ binh 36, Trung đoàn bộ binh 881, Sư đoàn 308 và Trung đoàn CB 299, thuộc Quân đoàn I, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được xây dựng tại Trung đoàn bộ binh 36, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Quy mô đầu tư:

Quy mô đầu tư của tổng dự án: Tổng diện tích của dự án là 279.911m^2, phần diện tích xây dựng là 36.137m^2, diện tích đất giao thông, thao trường là 117.231m^2, diện tích đất cây xanh 126.507m^2. Các công trình hiện tại của dự án gồm: khu cơ quan trung đoàn (khoảng 12.000m^2), Tiểu đoàn 1 (khoảng 11.000m^2), Tiểu đoàn 2 (khoảng 11.000m^2), Tiểu đoàn 3 (khoảng 16.000m^2). Mật độ xây dựng 12,92%.

Quy mô đầu tư giai đoạn 1: Xây dựng mới các hạng mục khu Trung đoàn bộ và Tiểu đoàn 1 với tổng diện tích sàn khoảng 10.455m^2, gồm: Nhà ở chỉ huy Trung đoàn (diện tích 352m^2, 2 tầng); Nhà ở chỉ huy tiểu đoàn 1 (diện tích 322m^2, 2 tầng); Nhà Hồ Chí Minh (diện tích 486m^2, 1 tầng); Nhà ăn (diện tích 1.031m^2, 1 tầng); Nhà ở Đại đội (diện tích 693m^2, 2 tầng); Nhà ở c Hỏa lực + a, b trực thuộc (diện tích 771m^2, 2 tầng); Nhà ở hậu cần + b phục vụ (diện tích 273m^2, 1 tầng); Nhà vệ sinh Đại đội (diện tích 152m^2, 1 tầng); Nhà phơi Đại đội (diện tích 88m^2, 1 tầng) và một số hạng mục phụ trợ khác (49m^2); Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, doanh cụ kèm theo.

- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 105.000.000.000 đồng, thuộc Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sư đoàn bộ binh cơ giới

308/Quân đoàn 1 được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường, giám sát vận hành thử nghiệm đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN;
- UBND huyện Lương Sơn;
- UBND thị trấn Lương Sơn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Sư đoàn bộ binh cơ giới 308/Quân đoàn 1 *(Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả);*
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 29 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động huấn luyện và sinh hoạt của cán bộ, chiến sỹ.

- Nguồn thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ nhà nấu ăn.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà ở chỉ huy Trung đoàn.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà Chỉ huy Tiểu đoàn.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà Hồ Chí Minh.

+ Nguồn số 05: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà ăn (470 chỗ).

+ Nguồn số 06: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà ở Đại đội (03 nhà).

+ Nguồn số 07: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà ở hậu cần + b phục vụ.

+ Nguồn số 08: Nước thải từ khu vệ sinh tại nhà vệ sinh Đại đội (08 nhà).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt xả ra môi trường tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước thải sinh hoạt khu vực của thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm đấu nối thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt khu vực của thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 451631.977; Y: 2310146.476 (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106^o múi chiếu 3^o*).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 52 m^3/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý được bơm cưỡng bức vào điểm xả đấu nối với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt khu vực của thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: không liên tục (sử dụng bơm cưỡng bức).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B) đối với nước thải, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ *(theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
6	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,0	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phostphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh tại các nhà, nước thải nhà ăn) sau khi được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể Bastaf 5 ngăn bố trí tại các nhà được dẫn theo hệ thống đường ống thoát nước thải uPVC PN10 đường kính D200 (có bố trí các hố ga) về hồ sinh học để tiếp tục xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học.

Công trình bể tự hoại Bastaf 5 ngăn: 18 bể tự hoại được đặt ngầm tại các khu nhà.

Bảng 1. Thống kê số lượng các bể tự hoại Bastaf 5 ngăn

TT	Vị trí đặt công trình bể tự hoại Bastaf 5 ngăn	Số lượng	Thể tích chứa	Kích thước ngoài, mm (D × R × C)
1	Nhà ở chỉ huy Trung đoàn	2	$9,27m^3$	5000 × 2000 × 1750
2	Nhà Chỉ huy Tiểu đoàn	1	$9,27m^3$	5000 × 2000 × 1750
3	Nhà Hồ Chí Minh	1	$9,27m^3$	5000 × 2000 × 1750
4	Nhà ăn (470 chỗ)	1	$9,27m^3$	5000 × 2000 × 1750
5	Nhà ở Đại đội (03 nhà)	3	$9,27m^3$	5000 × 2000 × 1750

6	Nhà ở hậu cần + b phục vụ	2	9,27m^3	5000 × 2000 × 1750
7	Nhà vệ sinh Đại đội (08 nhà)	8	12,4m^3	5000 × 2500 × 1750
	Tổng cộng	**18**		

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải bao gồm 18 bể tự hoại Bastaf 05 ngăn và hồ sinh học với tổng công suất xử lý là 52m^3/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại bastaf 05 ngăn (18 bể) → Hồ sinh học (01 hồ) → Khử trùng → Chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt khu vực của thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại cải tiến Bastaf 05 ngăn:

Ngăn 1: - Điều hòa - Lắng - Phân hủy sinh học	**Ngăn 2:** - Lắng, lọc - Phân hủy sinh học	**Ngăn 3:** - Lắng, lọc - Phân hủy sinh học	**Ngăn 4:** - Lắng, lọc - Phân hủy sinh học	**Ngăn 5:** - Lắng trong, lọc kỵ khí.

- Công suất xử lý: 52m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng NaOCl dạng viên nén TCCA: 4,7 kg/tháng.

- Để duy trì khả năng xử lý hiệu quả của bể tự hoại, Chủ đầu tư thực hiện một số biện pháp để duy trì hàm lượng các chất ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép: Bổ sung chế phẩm vi sinh định kỳ 3 tháng/lần; Thông hút phân và bùn lắng trong bể tự hoại định kỳ 3 tháng/lần.

- Hồ sinh học: dung tích 2.250m^3 (diện tích 1.500m^2, sâu 1,5m). Lớp đáy hồ sinh học được xử lý chống thấm bởi lớp đất sét bổ sung dày 10cm và tiến hành quá trình lu lèn nền đáy đảm bảo khả năng chống thấm. Thành hồ sinh học được kè đá chống sạt lở.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 03/9/2025 đến 03/12/2025 (03 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hồ sinh học xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại cửa xả sau hồ sinh học trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của thông số:

- Thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 (20^0C), tổng chất rắn hòa tan, Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), Phostphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn của các thông số: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B*)*.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chỉ được tái sử dụng nước thải cho mục đích khác sau khi đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành phù hợp với mục đích sử dụng nước theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Sư đoàn bộ binh cơ giới 308 chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B*)* trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt khu vực của thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình./.

Phụ lục 2
THỰC HIỆN YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 29 /12 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

` **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án

- Cây xanh được trồng trong khuôn viên, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân bãi và các tuyến đường chính, đường nội bộ trong khuôn viên đơn vị.

2. Khí thải nhà bếp

- Lắp đặt các chụp hút mùi tại các bếp nấu để hút khí thải nhà bếp và phát tán vào môi trường xung quanh để giảm thiểu ô nhiễm cục bộ.

3. Biện pháp xử lý mùi, khí thải, khu vực tập kết rác thải và hệ thống xử lý nước thải

- Để rác thải đúng quy định và được đựng trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

- Tổ chức thu gom kịp thời, hàng ngày xe của đơn vị thu gom có trách nhiệm vận chuyển mang đi xử lý.

- Khử mùi hôi tại chỗ bằng các chế phẩm khử mùi (chế phẩm EM).

- Trồng hàng rào cây xanh cách ly theo quy định.

- Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải: công trình các bể tự hoại được đặt ngầm, định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh để hạn chế mùi phát tán ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 29 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Nguồn phát sinh 1: Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông.

- Nguồn phát sinh 2: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động diễn tập, bắn súng.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 29 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại, dầu mỡ, từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa khí tài, phương tiện kỹ thuật	rắn	18 02 01	213
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	rắn	16 01 06	15
3	Hộp mực in thải từ khu vực văn phòng	rắn	08 02 04	10
4	Pin hỏng	rắn	19 06 05	5
5	Linh kiện điện tử hỏng	rắn	16 01 13	20
	Tổng			**263**

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải thông thường	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	43,8
2	Bùn từ bể tự hoại, hố ga của hệ thống thu gom nước thải	5,0
	Tổng	**48,8**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa.

2.1.2. Biện pháp xử lý:

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom bằng các thùng rác đặt phân tán tại các nhà, sau đó được tập kết tại vị trí tập trung. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thep quy định (Công ty môi trường đô thị Xuân Mai), tần suất thu gom định kỳ 1 lần/ngày.

Đối với bùn thải từ các bể tự hoại Bastaf 5 ngăn, định kỳ thuê đơn vị hút bể phốt có chức năng để xử lý 06 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thiết bị lưu chứa: Thùng chuyên dụng loại 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn và có dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

Kho chứa chất thải nguy hại tạm thời: diện tích 7,2m^2 (2,42m rộng x 2,95m

dài). Nhà kho có tường bao quanh, mái che, sàn chống thấm.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác hiện hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, duy tu, bảo dưỡng định kỳ công trình thu gom xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát sinh khối của hồ sinh học.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với các sự cố khác (sự cố chất thải, phòng cháy chữa cháy,...) theo quy định pháp luật.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.